

QUYẾT ĐỊNH

Phân bổ biên chế, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ và Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 203/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh phê duyệt tổng biên chế, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 4411/TTr-SNV ngày 31/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh là 3.189 biên chế (theo Phụ lục I đính kèm).

Điều 2. Phân bổ số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh là 41.409 người (theo Phụ lục II đính kèm).

Điều 3. Phân bổ biên chế trong các Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh là 355 biên chế (theo Phụ lục III đính kèm).

Điều 4. Cắt giảm 4.954 hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức hội có tính chất đặc thù thuộc UBND tỉnh quản lý đã được



HĐND tỉnh phê duyệt năm 2019 để chuyển sang hình thức ký hợp đồng lao động theo Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ và Điều 4 Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ. (theo Phụ lục IV,V,VI đính kèm).

Điều 5. Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm phân bổ kinh phí theo số chỉ tiêu nêu trên cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa, người đứng đầu các tổ chức hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm:

1. Ban hành Quyết định chung phân bổ tổng số biên chế, số người làm việc trong đó xây dựng các phụ lục phân bổ chi tiết cho từng phòng, ban, chi cục, đơn vị trực thuộc (theo hình thức quyết định phân bổ của Chủ tịch UBND tỉnh) gửi về Sở Nội vụ trước ngày 31/01/2020 để theo dõi.

2. Căn cứ số chỉ tiêu được phân bổ để thực hiện hoặc hướng dẫn đơn vị trực thuộc thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý nhân sự theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm:

1. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý số chỉ tiêu được phân bổ và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả thực hiện.

2. Căn cứ tình hình thực tế, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh xem xét thu hồi số biên chế công chức, số người làm việc của các cơ quan, đơn vị chưa sử dụng hết và đưa vào biên chế dự phòng của tỉnh (chỉ phân bổ lại khi cơ quan, đơn vị đã tuyển dụng được nhân sự).

3. Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh tiến hành cắt giảm biên chế theo lộ trình quy định.

Điều 8. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 9. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa, người đứng đầu các tổ chức hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

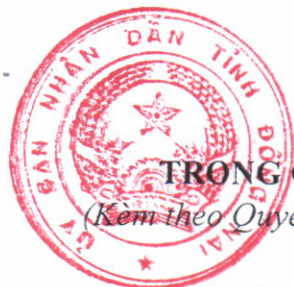
- Như Điều 9;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, THNC.

E/Hải-VX/12 2019

CHỦ TỊCH



Cao Tiến Dũng



Phụ lục I

**DANH SÁCH PHÂN BỐ BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC
TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số 52 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Biên chế phân bố năm 2019	Biên chế phân bố năm 2020	Tăng (+) giảm (-) so với năm 2019
	Tổng cộng	3.188	3.189	1
I	Cấp tỉnh	1.533	1.534	1
1	Thường trực và các ban HĐND tỉnh	11	11	0
2	Văn phòng HĐND tỉnh	22	22	0
3	Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh	6	6	0
4	Đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh	0	1	1
5	Văn phòng UBND tỉnh	65	65	0
6	Sở Công Thương	59	59	0
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	61	61	0
8	Sở Giao thông vận tải	111	111	0
9	Sở Kế hoạch và Đầu tư	67	67	0
10	Sở Khoa học và Công nghệ	47	47	0
11	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	83	83	0
12	Sở Nội vụ	91	91	0
13	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	268	268	0
14	Sở Ngoại vụ	28	28	0
15	Sở Tài chính	87	87	0
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	107	107	0
17	Sở Tư pháp	37	37	0
18	Sở Thông tin và Truyền thông	34	34	0
19	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	55	55	0
20	Sở Xây dựng	70	70	0
21	Sở Y tế	81	81	0
22	Thanh tra tỉnh	36	36	0
23	Ban Dân tộc	21	21	0
24	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	63	63	0

STT	Tên đơn vị	Biên chế phân bổ năm 2019	Biên chế phân bổ năm 2020	Tăng (+) giảm (-) so với năm 2019
25	Ban Quản lý Khu công nghệ cao Công nghệ sinh học	23	23	0
II	Cấp huyện	1.655	1.655	0
1	Thành phố Biên Hòa	207	207	0
2	Thành phố Long Khánh	143	143	0
3	Huyện Cẩm Mỹ	141	141	0
4	Huyện Định Quán	141	141	0
5	Huyện Long Thành	154	154	0
6	Huyện Nhơn Trạch	140	140	0
7	Huyện Tân Phú	136	136	0
8	Huyện Thống Nhất	147	147	0
9	Huyện Trảng Bom	157	157	0
10	Huyện Vĩnh Cửu	143	143	0
11	Huyện Xuân Lộc	146	146	0



Phụ lục II

DANH SÁCH PHÂN BỐ SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC

TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 52 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Biên chế phân bố năm 2019	Biên chế phân bố năm 2020	Tăng (+) giảm (-) so với năm 2019
	Tổng cộng	41.409	41.409	0
I	Khối trực thuộc UBND tỉnh	941	941	0
1	Trường Đại học Đồng Nai	399	399	0
2	Trường Cao đẳng Kỹ Thuật	75	75	0
3	Trường Cao đẳng Nghề công nghệ cao	97	97	0
4	Trường Cao đẳng Y tế	75	75	0
5	Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa	295	295	0
II	Khối trực thuộc sở, ban, ngành	11.249	11.249	0
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	3.951	3.951	0
1.1	Trường THPT Bình Sơn	73	73	0
1.2	Trường THPT Cẩm Mỹ	80	80	0
1.3	Trường THPT Chu Văn An	51	51	0
1.4	Trường THPT Dầu Giây	93	93	0
1.5	Trường THPT Điều Cải	78	78	0
1.6	Trường THPT Định Quán	75	75	0
1.7	Trường THPT Đoàn Kết	91	91	0
1.8	Trường THPT Hoàng Diệu	78	78	0
1.9	Trường THPT Kiệm Tân	78	78	0
1.10	Trường THPT Lê Hồng Phong	89	89	0
1.11	Trường THPT Long Khánh	90	90	0
1.12	Trường THPT Long Phước	91	91	0
1.13	Trường THPT Long Thành	87	87	0
1.14	Trường THPT Nam Hà	78	78	0
1.15	Trường THPT Ngô Quyền	78	78	0
1.16	Trường THPT Ngô Sĩ Liên	84	84	0

STT	Tên đơn vị	Biên chế phân bổ năm 2019	Biên chế phân bổ năm 2020	Tăng (+) giảm (-) so với năm 2019
1.17	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	75	75	0
1.18	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu	75	75	0
1.19	Trường THPT Nguyễn Hữu Cánh	78	78	0
1.20	Trường THPT Nguyễn Trãi	80	80	0
1.21	Trường THPT Nhơn Trạch	82	82	0
1.22	Trường THPT Phú Ngọc	73	73	0
1.23	Trường THPT Phước Thiện	73	73	0
1.24	Trường THPT Sông Ray	87	87	0
1.25	Trường THPT Tam Hiệp	78	78	0
1.26	Trường THPT Tam Phước	78	78	0
1.27	Trường THPT Tân Phú	89	89	0
1.28	Trường THPT Tôn Đức Thắng	75	75	0
1.29	Trường THPT Thanh Bình	93	93	0
1.30	Trường THPT Thống Nhất	100	100	0
1.31	Trường THPT Thống Nhất A	89	89	0
1.32	Trường THPT Trần Biên	112	112	0
1.33	Trường THPT Trần Phú	52	52	0
1.34	Trường THPT Trị An	82	82	0
1.35	Trường THPT Vĩnh Cửu	91	91	0
1.36	Trường THPT Võ Trường Toản	98	98	0
1.37	Trường THPT Xuân Hưng	91	91	0
1.38	Trường THPT Xuân Lộc	103	103	0
1.39	Trường THPT Xuân Thọ	75	75	0
1.40	Trường THPT Chuyên Lương Thế Vinh	125	125	0
1.41	Trường THCS & THPT Bàu Hàm	86	86	0
1.42	Trường THCS & THPT Đắc Lúa	52	52	0
1.43	Trường THCS & THPT Huỳnh Văn Nghệ	77	77	0
1.44	Trường THCS & THPT Suối Nho	101	101	0
1.45	Trường THCS & THPT Tây Sơn	72	72	0
1.46	Trường PT Dân tộc nội trú liên huyện Tân Phú - Định Quán	31	31	0

STT	Tên đơn vị	Biên chế phân bổ năm 2019	Biên chế phân bổ năm 2020	Tăng (+) giảm (-) so với năm 2019
1.47	Trường PT Dân tộc nội trú tỉnh	42	42	0
1.48	Trường PT Dân tộc nội trú - THCS - THPT Điều Xiềng	56	56	0
1.49	Trung tâm GDTX tỉnh	30	30	0
1.50	Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp	13	13	0
1.51	Trung tâm Nuôi dạy trẻ khuyết tật	43	43	0
2	Sở Y tế	6.320	6.320	0
2.1	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Định Quán	410	410	0
2.2	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Long Thành	443	443	0
2.3	Bệnh viện Da liễu	78	78	0
2.4	Bệnh viện Nhi đồng	822	822	0
2.5	Bệnh viện Phổi	164	164	0
2.6	Bệnh viện Y học Cổ truyền	145	145	0
2.7	Trung tâm Giám định y khoa	21	21	0
2.8	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, thực phẩm, mỹ phẩm	31	31	0
2.9	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	355	355	0
2.10	Trung tâm Pháp y	21	21	0
2.11	Trung tâm Y tế thành phố Biên Hòa	240	240	0
2.12	Trung tâm Y tế thành phố Long Khánh	49	49	0
2.13	Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ	231	231	0
2.14	Trung tâm Y tế huyện Định Quán	65	65	0
2.15	Trung tâm Y tế huyện Long Thành	56	56	0
2.16	Trung tâm Y tế huyện Nhơn Trạch	221	221	0
2.17	Trung tâm Y tế huyện Tân Phú	280	280	0
2.18	Trung tâm Y tế huyện Thống Nhất	193	193	0
2.19	Trung tâm Y tế huyện Trảng Bom	287	287	0
2.20	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Cửu	293	293	0
2.21	Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc	353	353	0
2.22	Các Trạm y tế trên địa bàn thành phố Biên Hòa	287	287	0
2.23	Các Trạm y tế trên địa bàn thành phố Long Khánh	119	119	0
2.24	Các Trạm y tế trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ	118	118	0

STT	Tên đơn vị	Biên chế phân bổ năm 2019	Biên chế phân bổ năm 2020	Tăng (+) giảm (-) so với năm 2019
2.25	Các Trạm y tế trên địa bàn huyện Định Quán	146	146	0
2.26	Các Trạm y tế trên địa bàn huyện Long Thành	123	123	0
2.27	Các Trạm y tế trên địa bàn huyện Nhơn Trạch	107	107	0
2.28	Các Trạm y tế trên địa bàn huyện Tân Phú	159	159	0
2.29	Các Trạm y tế trên địa bàn huyện Thống Nhất	101	101	0
2.30	Các Trạm y tế trên địa bàn huyện Trảng Bom	154	154	0
2.31	Các Trạm y tế trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu	95	95	0
2.32	Các Trạm y tế trên địa bàn huyện Xuân Lộc	153	153	0
3	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	311	311	0
3.1	Bảo tàng	43	43	0
3.2	Nhà hát Nghệ thuật	75	75	0
3.3	Thư viện	30	30	0
3.4	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao	45	45	0
3.5	Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh	31	31	0
3.6	Trung tâm Xúc tiến Du lịch	11	11	0
3.7	Trường Phổ thông Năng khiếu Thể thao	36	36	0
3.8	Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật	40	40	0
4	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	172	172	0
4.1	Ban Quản lý nghĩa trang	7	7	0
4.2	Cơ sở điều trị nghiện ma túy	44	44	0
4.3	Quỹ Bảo trợ trẻ em	3	3	0
4.4	Trung tâm Công tác xã hội	112	112	0
4.5	Trung tâm Giới thiệu việc làm	6	6	0
5	Sở Giao thông vận tải	72	72	0
5.1	Cảng vụ đường thủy nội địa	17	17	0
5.2	Khu Quản lý, bảo trì đường bộ, đường thủy nội địa	13	13	0
5.3	Trung tâm Quản lý vận tải hành khách công cộng	42	42	0
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	220	220	0
6.1	Ban Quản lý rừng phòng hộ Long Thành	54	54	0
6.2	Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú	105	105	0
6.3	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	61	61	0

STT	Tên đơn vị	Biên chế phân bổ năm 2019	Biên chế phân bổ năm 2020	Tăng (+) giảm (-) so với năm 2019
7	Văn phòng UBND tỉnh	42	42	0
7.1	Cổng thông tin điện tử	10	10	0
7.2	Trung tâm Hội nghị và tổ chức sự kiện	20	20	0
7.3	Trung tâm Tin học	12	12	0
8	Sở Công Thương	29	29	0
8.1	Trung tâm Khuyến công	14	14	0
8.2	Trung tâm Xúc tiến thương mại	15	15	0
9	Sở Tư pháp	42	42	0
9.1	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản	10	10	0
9.2	Trung tâm Trợ giúp pháp lý	32	32	0
10	Sở Nội vụ	7	7	0
10.1	Kho Lưu trữ	7	7	0
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	17	17	0
11.1	Trung tâm Công nghệ thông tin	17	17	0
12	Sở Thông tin và Truyền thông	15	15	0
12.1	Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông	15	15	0
13	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	12	12	0
13.1	Trung tâm Đào tạo cung ứng lao động kỹ thuật	12	12	0
14	Ban Quản lý Khu công nghệ cao Công nghệ sinh học	20	20	0
14.1	Trung tâm Ứng dụng công nghệ sinh học	20	20	0
15	Tỉnh đoàn	19	19	0
15.1	Nhà Thiếu nhi	19	19	0
III	Khối trực thuộc UBND cấp huyện	28.803	28.803	0
1	Thành phố Biên Hòa	6.604	6.604	0
1.1	Các trường công lập thuộc thành phố	6.550	6.550	0
1.2	Trung tâm GDNN và GDTX	26	26	0
1.3	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao	28	28	0
2	Thành phố Long Khánh	1.818	1.818	0
2.1	Các trường công lập thuộc thành phố	1.755	1.755	0
2.2	Trung tâm GDNN và GDTX	22	22	0
2.3	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	5	5	0

STT	Tên đơn vị	Biên chế phân bổ năm 2019	Biên chế phân bổ năm 2020	Tăng (+) giảm (-) so với năm 2019
2.4	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao	36	36	0
3	Huyện Cẩm Mỹ	2.093	2.093	0
3.1	Các trường công lập thuộc huyện	2.037	2.037	0
3.2	Trung tâm GDNN và GDTX	22	22	0
3.3	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	6	6	0
3.4	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao	28	28	0
4	Huyện Định Quán	2.648	2.648	0
4.1	Các trường công lập thuộc huyện	2.583	2.583	0
4.2	Trung tâm GDNN và GDTX	24	24	0
4.3	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	7	7	0
4.4	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao	34	34	0
5	Huyện Long Thành	2.191	2.191	0
5.1	Các trường công lập thuộc huyện	2.126	2.126	0
5.2	Trung tâm GDNN và GDTX	20	20	0
5.3	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	7	7	0
5.4	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao	38	38	0
6	Huyện Nhơn Trạch	2.013	2.013	0
6.1	Các trường công lập thuộc huyện	1.966	1.966	0
6.2	Trung tâm GDNN và GDTX	14	14	0
6.3	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	6	6	0
6.4	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao	27	27	0
7	Huyện Tân Phú	2.210	2.210	0
7.1	Các trường công lập thuộc huyện	2.151	2.151	0
7.2	Trung tâm GDNN và GDTX	20	20	0
7.3	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	8	8	0
7.4	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao	31	31	0
8	Huyện Thống Nhất	1.858	1.858	0
8.1	Các trường công lập thuộc huyện	1.803	1.803	0
8.2	Trung tâm GDNN và GDTX	20	20	0
8.3	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	6	6	0

STT	Tên đơn vị	Biên chế phân bổ năm 2019	Biên ché phân bổ năm 2020	Tăng (+) giảm (-) so với năm 2019
8.4	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao	29	29	0
9	Huyện Trảng Bom	2.739	2.739	0
9.1	Các trường công lập thuộc huyện	2.677	2.677	0
9.2	Trung tâm GDNN và GDTX	22	22	0
9.3	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	7	7	0
9.4	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao	33	33	0
10	Huyện Vĩnh Cửu	1.696	1.696	0
10.1	Các trường công lập thuộc huyện	1.639	1.639	0
10.2	Trung tâm GDNN và GDTX	21	21	0
10.3	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	8	8	0
10.4	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao	28	28	0
11	Huyện Xuân Lộc	2.933	2.933	0
11.1	Các trường công lập thuộc huyện	2.881	2.881	0
11.2	Trung tâm GDNN và GDTX	17	17	0
11.3	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	6	6	0
11.4	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao	29	29	0
IV	Biên chế dự phòng (ưu tiên cho giáo dục)	416	416	0



Phụ lục III

DANH SÁCH PHÂN BỐ BIÊN CHẾ

TRONG CÁC HỘI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 52 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Biên chế phân bổ năm 2019	Biên chế phân bổ năm 2020	Tăng (+) giảm (-) so với năm 2019
	Tổng cộng	355	355	0
I	Cấp tỉnh	113	113	0
1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi tỉnh Đồng Nai	6	6	0
2	Hội Cựu Thanh niên xung phong tỉnh Đồng Nai	6	6	0
3	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đầy tỉnh Đồng Nai	6	6	0
4	Hội Chữ thập đỏ tỉnh Đồng Nai	14	14	0
5	Hội Khuyến học tỉnh Đồng Nai	8	8	0
6	Hội Luật gia tỉnh Đồng Nai	5	5	0
7	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin tỉnh Đồng Nai	6	6	0
8	Hội Người mù tỉnh Đồng Nai	7	7	0
9	Hội Nhà báo tỉnh Đồng Nai	4	4	0
10	Hội Sinh viên tỉnh Đồng Nai	3	3	0
11	Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Đồng Nai	10	10	0
12	Liên hiệp các Hội khoa học Kỹ thuật tỉnh Đồng Nai	9	9	0
13	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Đồng Nai	14	14	0
14	Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai	15	15	0
II	Cấp huyện	242	242	0
1	Thành phố Biên Hòa	22	22	0
1.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi thành phố Biên Hòa	3	3	0
1.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đầy thành phố Biên Hòa	3	3	0
1.3	Hội Chữ thập đỏ thành phố Biên Hòa	5	5	0
1.4	Hội Khuyến học thành phố Biên Hòa	4	4	0
1.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin thành phố Biên Hòa	3	3	0
1.6	Hội Người mù thành phố Biên Hòa	4	4	0
2	Thành phố Long Khánh	22	22	0
2.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi thành phố Long Khánh	3	3	0
2.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đầy thành phố Long Khánh	3	3	0
2.3	Hội Chữ thập đỏ thành phố Long Khánh	5	5	0
2.4	Hội Khuyến học thành phố Long Khánh	4	4	0
2.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin thành phố Long Khánh	3	3	0
2.6	Hội Người mù thành phố Long Khánh	4	4	0
3	Huyện Cẩm Mỹ	22	22	0
3.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi huyện Cẩm Mỹ	3	3	0
3.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đầy huyện Cẩm Mỹ	3	3	0
3.3	Hội Chữ thập đỏ huyện Cẩm Mỹ	5	5	0

STT	Tên đơn vị	Biên chế phân bổ năm 2019	Biên chế phân bổ năm 2020	Tăng (+) giảm (-) so với năm 2019
3.4	Hội Khuyến học huyện Cẩm Mỹ	4	4	0
3.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Cẩm Mỹ	3	3	0
3.6	Hội Người mù huyện Cẩm Mỹ	4	4	0
4	Huyện Định Quán	22	22	0
4.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi huyện Định Quán	3	3	0
4.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đày huyện Định Quán	3	3	0
4.3	Hội Chữ thập đỏ huyện Định Quán	5	5	0
4.4	Hội Khuyến học huyện Định Quán	4	4	0
4.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Định Quán	3	3	0
4.6	Hội Người mù huyện Định Quán	4	4	0
5	Huyện Long Thành	22	22	0
5.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi huyện Long Thành	3	3	0
5.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đày huyện Long Thành	3	3	0
5.3	Hội Chữ thập đỏ huyện Long Thành	5	5	0
5.4	Hội Khuyến học huyện Long Thành	4	4	0
5.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Long Thành	3	3	0
5.6	Hội Người mù huyện Long Thành	4	4	0
6	Huyện Nhơn Trạch	22	22	0
6.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi huyện Nhơn Trạch	3	3	0
6.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đày huyện Nhơn Trạch	3	3	0
6.3	Hội Chữ thập đỏ huyện Nhơn Trạch	5	5	0
6.4	Hội Khuyến học huyện Nhơn Trạch	4	4	0
6.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Nhơn Trạch	3	3	0
6.6	Hội Người mù huyện Nhơn Trạch	4	4	0
7	Huyện Tân Phú	22	22	0
7.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi huyện Tân Phú	3	3	0
7.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đày huyện Tân Phú	3	3	0
7.3	Hội Chữ thập đỏ huyện Tân Phú	5	5	0
7.4	Hội Khuyến học huyện Tân Phú	4	4	0
7.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Tân Phú	3	3	0
7.6	Hội Người mù huyện Tân Phú	4	4	0
8	Huyện Thống Nhất	22	22	0
8.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi huyện Thống Nhất	3	3	0
8.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đày huyện Thống Nhất	3	3	0
8.3	Hội Chữ thập đỏ huyện Thống Nhất	5	5	0
8.4	Hội Khuyến học huyện Thống Nhất	4	4	0
8.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Thống Nhất	3	3	0
8.6	Hội Người mù huyện Thống Nhất	4	4	0
9	Huyện Trảng Bom	22	22	0

STT	Tên đơn vị	Biên chế phân bổ năm 2019	Biên chế phân bổ năm 2020	Tăng (+) giảm (-) so với năm 2019
9.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi huyện Trảng Bom	3	3	0
9.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đày huyện Trảng Bom	3	3	0
9.3	Hội Chữ thập đỏ huyện Trảng Bom	5	5	0
9.4	Hội Khuyến học huyện Trảng Bom	4	4	0
9.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Trảng Bom	3	3	0
9.6	Hội Người mù huyện Trảng Bom	4	4	0
10	Huyện Vĩnh Cửu	22	22	0
10.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi huyện Vĩnh Cửu	3	3	0
10.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đày huyện Vĩnh Cửu	3	3	0
10.3	Hội Chữ thập đỏ huyện Vĩnh Cửu	5	5	0
10.4	Hội Khuyến học huyện Vĩnh Cửu	4	4	0
10.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Vĩnh Cửu	3	3	0
10.6	Hội Người mù huyện Vĩnh Cửu	4	4	0
11	Huyện Xuân Lộc	22	22	0
11.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi huyện Xuân Lộc	3	3	0
11.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đày huyện Xuân Lộc	3	3	0
11.3	Hội Chữ thập đỏ huyện Xuân Lộc	5	5	0
11.4	Hội Khuyến học huyện Xuân Lộc	4	4	0
11.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Xuân Lộc	3	3	0
11.6	Hội Người mù huyện Xuân Lộc	4	4	0



Phụ lục IV

DANH SÁCH PHÂN BỐ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 52 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Hợp đồng phân bổ năm 2019	Hợp đồng phân bổ năm 2020	Tăng (+) giảm (-) so với năm 2019
	Tổng cộng	313	0	-313
I	Cấp tỉnh	173	0	-173
1	Thường trực và các ban HĐND tỉnh	0	0	0
2	Văn phòng HĐND tỉnh	6	0	-6
3	Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh	0	0	0
4	Đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh	0	0	0
5	Văn phòng UBND tỉnh	28	0	-28
6	Sở Công Thương	3	0	-3
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	6	0	-6
8	Sở Giao thông vận tải	11	0	-11
9	Sở Kế hoạch và Đầu tư	3	0	-3
10	Sở Khoa học và Công nghệ	5	0	-5
11	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	8	0	-8
12	Sở Nội vụ	11	0	-11
13	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	24	0	-24
14	Sở Ngoại vụ	5	0	-5
15	Sở Tài chính	8	0	-8
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	4	0	-4
17	Sở Tư pháp	3	0	-3
18	Sở Thông tin và Truyền thông	6	0	-6
19	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4	0	-4
20	Sở Xây dựng	5	0	-5
21	Sở Y tế	13	0	-13
22	Thanh tra tỉnh	5	0	-5
23	Ban Dân tộc	4	0	-4
24	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	6	0	-6

STT	Tên đơn vị	Hợp đồng phân bổ năm 2019	Hợp đồng phân bổ năm 2020	Tăng (+) giảm (-) so với năm 2019
25	Ban Quản lý Khu công nghệ cao Công nghệ sinh học	5	0	-5
II	Cấp huyện	140	0	-140
1	Thành phố Biên Hòa	3	0	-3
2	Thành phố Long Khánh	10	0	-10
3	Huyện Cẩm Mỹ	20	0	-20
4	Huyện Định Quán	11	0	-11
5	Huyện Long Thành	12	0	-12
6	Huyện Nhơn Trạch	15	0	-15
7	Huyện Tân Phú	6	0	-6
8	Huyện Thống Nhất	18	0	-18
9	Huyện Trảng Bom	15	0	-15
10	Huyện Vĩnh Cửu	15	0	-15
11	Huyện Xuân Lộc	15	0	-15



Phụ lục V

DANH SÁCH PHÂN BỐ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG
TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số 52 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Chủ tịch tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Hợp đồng phân bổ năm 2019	Hợp đồng phân bổ năm 2020	Tăng (+) giảm (-) so với năm 2019
	Tổng cộng	4.627	0	-4.627
I	Khối trực thuộc UBND tỉnh	67	0	-67
1	Trường Đại học Đồng Nai	36	0	-36
2	Trường Cao đẳng Kỹ Thuật	0	0	0
3	Trường Cao đẳng Nghề công nghệ cao	6	0	-6
4	Trường Cao đẳng Y tế	0	0	0
5	Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa	25	0	-25
II	Khối trực thuộc sở, ban, ngành	690	0	-690
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	235	0	-235
1.1	Trường THPT Bình Sơn	4	0	-4
1.2	Trường THPT Cẩm Mỹ	4	0	-4
1.3	Trường THPT Chu Văn An	3	0	-3
1.4	Trường THPT Dầu Giây	4	0	-4
1.5	Trường THPT Điều Cải	4	0	-4
1.6	Trường THPT Định Quán	4	0	-4
1.7	Trường THPT Đoàn Kết	4	0	-4
1.8	Trường THPT Hoàng Diệu	4	0	-4
1.9	Trường THPT Kiệm Tân	4	0	-4
1.10	Trường THPT Lê Hồng Phong	4	0	-4
1.11	Trường THPT Long Khánh	3	0	-3
1.12	Trường THPT Long Phước	4	0	-4
1.13	Trường THPT Long Thành	4	0	-4
1.14	Trường THPT Nam Hà	4	0	-4
1.15	Trường THPT Ngô Quyền	4	0	-4
1.16	Trường THPT Ngô Sĩ Liên	4	0	-4
1.17	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	4	0	-4

STT	Tên đơn vị	Hợp đồng phân bổ năm 2019	Hợp đồng phân bổ năm 2020	Tăng (+) giảm (-) so với năm 2019
1.18	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu	4	0	-4
1.19	Trường THPT Nguyễn Hữu Cánh	4	0	-4
1.20	Trường THPT Nguyễn Trãi	4	0	-4
1.21	Trường THPT Nhơn Trạch	4	0	-4
1.22	Trường THPT Phú Ngọc	4	0	-4
1.23	Trường THPT Phước Thiện	4	0	-4
1.24	Trường THPT Sông Ray	4	0	-4
1.25	Trường THPT Tam Hiệp	4	0	-4
1.26	Trường THPT Tam Phước	4	0	-4
1.27	Trường THPT Tân Phú	4	0	-4
1.28	Trường THPT Tôn Đức Thắng	4	0	-4
1.29	Trường THPT Thanh Bình	4	0	-4
1.30	Trường THPT Thống Nhất	4	0	-4
1.31	Trường THPT Thống Nhất A	3	0	-3
1.32	Trường THPT Trần Biên	4	0	-4
1.33	Trường THPT Trần Phú	4	0	-4
1.34	Trường THPT Trị An	4	0	-4
1.35	Trường THPT Vĩnh Cửu	4	0	-4
1.36	Trường THPT Vô Trường Toàn	4	0	-4
1.37	Trường THPT Xuân Hưng	4	0	-4
1.38	Trường THPT Xuân Lộc	4	0	-4
1.39	Trường THPT Xuân Thọ	4	0	-4
1.40	Trường THPT Chuyên Lương Thế Vinh	8	0	-8
1.41	Trường THCS & THPT Bàu Hàm	4	0	-4
1.42	Trường THCS & THPT Đắc Lúa	4	0	-4
1.43	Trường THCS & THPT Huỳnh Văn Nghệ	4	0	-4
1.44	Trường THCS & THPT Suối Nho	3	0	-3
1.45	Trường THCS & THPT Tây Sơn	4	0	-4
1.46	Trường PT Dân tộc nội trú liên huyện Tân Phú - Định Quán	12	0	-12
1.47	Trường PT Dân tộc nội trú tỉnh	10	0	-10

STT	Tên đơn vị	Hợp đồng phân bổ năm 2019	Hợp đồng phân bổ năm 2020	Tăng (+) giảm (-) so với năm 2019
1.48	Trường PT Dân tộc nội trú - THCS - THPT Điều Xiềng	16	0	-16
1.49	Trung tâm GDTX tỉnh	5	0	-5
1.50	Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp	0	0	0
1.51	Trung tâm Nuôi dạy trẻ khuyết tật	12	0	-12
2	Sở Y tế	266	0	-266
2.1	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Định Quán	30	0	-30
2.2	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Long Thành	8	0	-8
2.3	Bệnh viện Da liễu	7	0	-7
2.4	Bệnh viện Nhi đồng	15	0	-15
2.5	Bệnh viện Phổi	16	0	-16
2.6	Bệnh viện Y học Cổ truyền	15	0	-15
2.7	Trung tâm Giám định y khoa	3	0	-3
2.8	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, thực phẩm, mỹ phẩm	2	0	-2
2.9	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	23	0	-23
2.10	Trung tâm Pháp y	3	0	-3
2.11	Trung tâm Y tế thành phố Biên Hòa	10	0	-10
2.12	Trung tâm Y tế thành phố Long Khánh	3	0	-3
2.13	Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ	15	0	-15
2.14	Trung tâm Y tế huyện Định Quán	4	0	-4
2.15	Trung tâm Y tế huyện Long Thành	5	0	-5
2.16	Trung tâm Y tế huyện Nhơn Trạch	15	0	-15
2.17	Trung tâm Y tế huyện Tân Phú	14	0	-14
2.18	Trung tâm Y tế huyện Thống Nhất	16	0	-16
2.19	Trung tâm Y tế huyện Trảng Bom	15	0	-15
2.20	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Cửu	24	0	-24
2.21	Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc	22	0	-22
2.22	Các Trạm y tế trên địa bàn thành phố Biên Hòa	0	0	0
2.23	Các Trạm y tế trên địa bàn thành phố Long Khánh	0	0	0
2.24	Các Trạm y tế trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ	0	0	0
2.25	Các Trạm y tế trên địa bàn huyện Định Quán	0	0	0

STT	Tên đơn vị	Hợp đồng phân bổ năm 2019	Hợp đồng phân bổ năm 2020	Tăng (+) giảm (-) so với năm 2019
2.26	Các Trạm y tế trên địa bàn huyện Long Thành	0	0	0
2.27	Các Trạm y tế trên địa bàn huyện Nhơn Trạch	0	0	0
2.28	Các Trạm y tế trên địa bàn huyện Tân Phú	0	0	0
2.29	Các Trạm y tế trên địa bàn huyện Thống Nhất	1	0	-1
2.30	Các Trạm y tế trên địa bàn huyện Trảng Bom	0	0	0
2.31	Các Trạm y tế trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu	0	0	0
2.32	Các Trạm y tế trên địa bàn huyện Xuân Lộc	0	0	0
3	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	46	0	-46
3.1	Bảo tàng	12	0	-12
3.2	Nhà hát Nghệ thuật	3	0	-3
3.3	Thư viện	4	0	-4
3.4	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao	18	0	-18
3.5	Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh	2	0	-2
3.6	Trung tâm Xúc tiến Du lịch	1	0	-1
3.7	Trường Phổ thông Năng khiếu Thể thao	3	0	-3
3.8	Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật	3	0	-3
4	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	103	0	-103
4.1	Ban Quản lý nghĩa trang	11	0	-11
4.2	Cơ sở điều trị nghiện ma túy	66	0	-66
4.3	Quỹ Bảo trợ trẻ em	0	0	0
4.4	Trung tâm Công tác xã hội	26	0	-26
4.5	Trung tâm Giới thiệu việc làm	0	0	0
5	Sở Giao thông vận tải	1	0	-1
5.1	Cảng vụ đường thủy nội địa	1	0	-1
5.2	Khu Quản lý, bảo trì đường bộ, đường thủy nội địa	0	0	0
5.3	Trung tâm Quản lý vận tải hành khách công cộng	0	0	0
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	6	0	-6
6.1	Ban Quản lý rừng phòng hộ Long Thành	1	0	-1
6.2	Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú	2	0	-2
6.3	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	3	0	-3
7	Văn phòng UBND tỉnh	22	0	-22

STT	Tên đơn vị	Hợp đồng phân bổ năm 2019	Hợp đồng phân bổ năm 2020	Tăng (+) giảm (-) so với năm 2019
7.1	Cổng thông tin điện tử	0	0	0
7.2	Trung tâm Hội nghị và tổ chức sự kiện	22	0	-22
7.3	Trung tâm Tin học	0	0	0
8	Sở Công Thương	3	0	-3
8.1	Trung tâm Khuyến công	1	0	-1
8.2	Trung tâm Xúc tiến thương mại	2	0	-2
9	Sở Tư pháp	0	0	0
9.1	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản	0	0	0
9.2	Trung tâm Trợ giúp pháp lý	0	0	0
10	Sở Nội vụ	0	0	0
10.1	Kho Lưu trữ	0	0	0
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	0	0	0
11.1	Trung tâm Công nghệ thông tin	0	0	0
12	Sở Thông tin và Truyền thông	0	0	0
12.1	Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông	0	0	0
13	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	0	0	0
13.1	Trung tâm Đào tạo cung ứng lao động kỹ thuật	0	0	0
14	Ban Quản lý Khu công nghệ cao Công nghệ sinh học	4	0	-4
14.1	Trung tâm Ứng dụng công nghệ sinh học	4	0	-4
15	Tỉnh đoàn	4	0	-4
15.1	Nhà Thiếu nhi	4	0	-4
III	Khối trực thuộc UBND cấp huyện	3.870	0	-3.870
1	Thành phố Biên Hòa	557	0	-557
1.1	Các trường công lập thuộc thành phố	552	0	-552
1.2	Trung tâm GDNN và GDTX	2	0	-2
1.3	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao	3	0	-3
2	Thành phố Long Khánh	288	0	-288
2.1	Các trường công lập thuộc thành phố	280	0	-280
2.2	Trung tâm GDNN và GDTX	2	0	-2
2.3	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	0	0	0
2.4	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao	6	0	-6

STT	Tên đơn vị	Hợp đồng phân bổ năm 2019	Hợp đồng phân bổ năm 2020	Tăng (+) giảm (-) so với năm 2019
3	Huyện Cẩm Mỹ	354	0	-354
3.1	Các trường công lập thuộc huyện	348	0	-348
3.2	Trung tâm GDNN và GDTX	3	0	-3
3.3	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	0	0	0
3.4	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao	3	0	-3
4	Huyện Định Quán	445	0	-445
4.1	Các trường công lập thuộc huyện	431	0	-431
4.2	Trung tâm GDNN và GDTX	3	0	-3
4.3	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	0	0	0
4.4	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao	11	0	-11
5	Huyện Long Thành	286	0	-286
5.1	Các trường công lập thuộc huyện	274	0	-274
5.2	Trung tâm GDNN và GDTX	3	0	-3
5.3	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	0	0	0
5.4	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao	9	0	-9
6	Huyện Nhơn Trạch	345	0	-345
6.1	Các trường công lập thuộc huyện	322	0	-322
6.2	Trung tâm GDNN và GDTX	4	0	-4
6.3	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	1	0	-1
6.4	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao	18	0	-18
7	Huyện Tân Phú	363	0	-363
7.1	Các trường công lập thuộc huyện	352	0	-352
7.2	Trung tâm GDNN và GDTX	3	0	-3
7.3	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	0	0	0
7.4	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao	8	0	-8
8	Huyện Thống Nhất	272	0	-272
8.1	Các trường công lập thuộc huyện	260	0	-260
8.2	Trung tâm GDNN và GDTX	3	0	-3
8.3	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	0	0	0
8.4	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao	9	0	-9

STT	Tên đơn vị	Hợp đồng phân bổ năm 2019	Hợp đồng phân bổ năm 2020	Tăng (+) giảm (-) so với năm 2019
9	Huyện Trảng Bom	319	0	-319
9.1	Các trường công lập thuộc huyện	313	0	-313
9.2	Trung tâm GDNN và GDTX	3	0	-3
9.3	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	0	0	0
9.4	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao	3	0	-3
10	Huyện Vĩnh Cửu	213	0	-213
10.1	Các trường công lập thuộc huyện	200	0	-200
10.2	Trung tâm GDNN và GDTX	3	0	-3
10.3	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	0	0	0
10.4	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao	10	0	-10
11	Huyện Xuân Lộc	428	0	-428
11.1	Các trường công lập thuộc huyện	422	0	-422
11.2	Trung tâm GDNN và GDTX	3	0	-3
11.3	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	0	0	0
11.4	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao	3	0	-3
IV	Biên chế dự phòng (ưu tiên cho giáo dục)	0	0	0



Phụ lục VI

DANH SÁCH PHÂN BỐ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG
TRONG CÁC TỔ CHỨC HỘI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số 52 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Chủ tịch tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Hợp đồng phân bổ năm 2019	Hợp đồng phân bổ năm 2020	Tăng (+) giảm (-) so với năm 2019
	Tổng cộng	14	0	-14
I	Cấp tỉnh	14	0	-14
1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi tỉnh Đồng Nai	1	0	-1
2	Hội Cựu Thanh niên xung phong tỉnh Đồng Nai	0	0	0
3	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đày tỉnh Đồng Nai	0	0	0
4	Hội Chữ thập đỏ tỉnh Đồng Nai	2	0	-2
5	Hội Khuyến học tỉnh Đồng Nai	1	0	-1
6	Hội Luật gia tỉnh Đồng Nai	0	0	0
7	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin tỉnh Đồng Nai	1	0	-1
8	Hội Người mù tỉnh Đồng Nai	1	0	-1
9	Hội Nhà báo tỉnh Đồng Nai	1	0	-1
10	Hội Sinh viên tỉnh Đồng Nai	0	0	0
11	Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Đồng Nai	1	0	-1
12	Liên hiệp các Hội khoa học Kỹ thuật tỉnh Đồng Nai	1	0	-1
13	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Đồng Nai	0	0	0
14	Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai	5	0	-5
II	Cấp huyện	0	0	0
1	Thành phố Biên Hòa	0	0	0
1.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi thành phố Biên Hòa	0	0	0
1.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đày thành phố Biên Hòa	0	0	0
1.3	Hội Chữ thập đỏ thành phố Biên Hòa	0	0	0
1.4	Hội Khuyến học thành phố Biên Hòa	0	0	0
1.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin thành phố Biên Hòa	0	0	0
1.6	Hội Người mù thành phố Biên Hòa	0	0	0
2	Thành phố Long Khánh	0	0	0
2.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi thành phố Long Khánh	0	0	0
2.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đày thành phố Long Khánh	0	0	0
2.3	Hội Chữ thập đỏ thành phố Long Khánh	0	0	0
2.4	Hội Khuyến học thành phố Long Khánh	0	0	0
2.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin thành phố Long Khánh	0	0	0
2.6	Hội Người mù thành phố Long Khánh	0	0	0
3	Huyện Cẩm Mỹ	0	0	0
3.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi huyện Cẩm Mỹ	0	0	0
3.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đày huyện Cẩm Mỹ	0	0	0

STT	Tên đơn vị	Hợp đồng phân bổ năm 2019	Hợp đồng phân bổ năm 2020	Tăng (+) giảm (-) so với năm 2019
3.3	Hội Chữ thập đỏ huyện Cẩm Mỹ	0	0	0
3.4	Hội Khuyến học huyện Cẩm Mỹ	0	0	0
3.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Cẩm Mỹ	0	0	0
3.6	Hội Người mù huyện Cẩm Mỹ	0	0	0
4	Huyện Định Quán	0	0	0
4.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi huyện Định Quán	0	0	0
4.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đầy huyện Định Quán	0	0	0
4.3	Hội Chữ thập đỏ huyện Định Quán	0	0	0
4.4	Hội Khuyến học huyện Định Quán	0	0	0
4.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Định Quán	0	0	0
4.6	Hội Người mù huyện Định Quán	0	0	0
5	Huyện Long Thành	0	0	0
5.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi huyện Long Thành	0	0	0
5.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đầy huyện Long Thành	0	0	0
5.3	Hội Chữ thập đỏ huyện Long Thành	0	0	0
5.4	Hội Khuyến học huyện Long Thành	0	0	0
5.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Long Thành	0	0	0
5.6	Hội Người mù huyện Long Thành	0	0	0
6	Huyện Nhơn Trạch	0	0	0
6.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi huyện Nhơn Trạch	0	0	0
6.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đầy huyện Nhơn Trạch	0	0	0
6.3	Hội Chữ thập đỏ huyện Nhơn Trạch	0	0	0
6.4	Hội Khuyến học huyện Nhơn Trạch	0	0	0
6.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Nhơn Trạch	0	0	0
6.6	Hội Người mù huyện Nhơn Trạch	0	0	0
7	Huyện Tân Phú	0	0	0
7.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi huyện Tân Phú	0	0	0
7.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đầy huyện Tân Phú	0	0	0
7.3	Hội Chữ thập đỏ huyện Tân Phú	0	0	0
7.4	Hội Khuyến học huyện Tân Phú	0	0	0
7.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Tân Phú	0	0	0
7.6	Hội Người mù huyện Tân Phú	0	0	0
8	Huyện Thống Nhất	0	0	0
8.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi huyện Thống Nhất	0	0	0
8.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đầy huyện Thống Nhất	0	0	0
8.3	Hội Chữ thập đỏ huyện Thống Nhất	0	0	0
8.4	Hội Khuyến học huyện Thống Nhất	0	0	0
8.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Thống Nhất	0	0	0
8.6	Hội Người mù huyện Thống Nhất	0	0	0

STT	Tên đơn vị	Hợp đồng phân bổ năm 2019	Hợp đồng phân bổ năm 2020	Tăng (+) giảm (-) so với năm 2019
9	Huyện Trảng Bom	0	0	0
9.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi huyện Trảng Bom	0	0	0
9.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đày huyện Trảng Bom	0	0	0
9.3	Hội Chữ thập đỏ huyện Trảng Bom	0	0	0
9.4	Hội Khuyến học huyện Trảng Bom	0	0	0
9.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Trảng Bom	0	0	0
9.6	Hội Người mù huyện Trảng Bom	0	0	0
10	Huyện Vĩnh Cửu	0	0	0
10.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi huyện Vĩnh Cửu	0	0	0
10.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đày huyện Vĩnh Cửu	0	0	0
10.3	Hội Chữ thập đỏ huyện Vĩnh Cửu	0	0	0
10.4	Hội Khuyến học huyện Vĩnh Cửu	0	0	0
10.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Vĩnh Cửu	0	0	0
10.6	Hội Người mù huyện Vĩnh Cửu	0	0	0
11	Huyện Xuân Lộc	0	0	0
11.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi huyện Xuân Lộc	0	0	0
11.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đày huyện Xuân Lộc	0	0	0
11.3	Hội Chữ thập đỏ huyện Xuân Lộc	0	0	0
11.4	Hội Khuyến học huyện Xuân Lộc	0	0	0
11.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Xuân Lộc	0	0	0
11.6	Hội Người mù huyện Xuân Lộc	0	0	0

